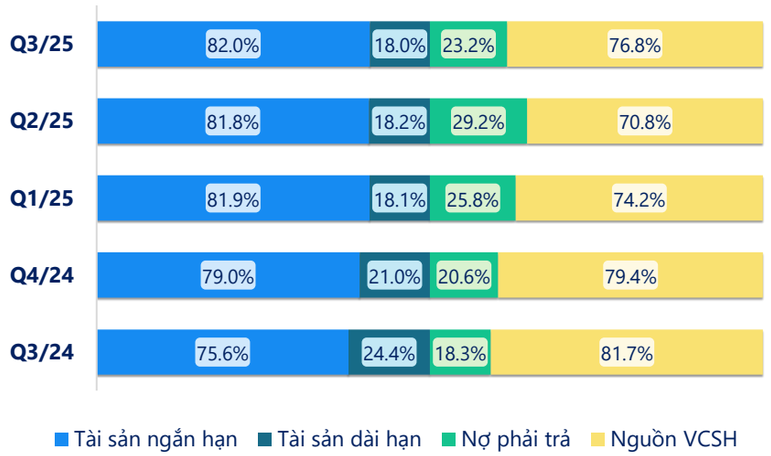
FireAnt

CTCP DAP - VINACHEM (UPCOM: DDV)

Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	31,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	34,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	13,553
SL cổ phiếu LH	146,109,900
KLGD BQ 20 phiên (CP)	770,900
% sở hữu nước ngoài	3.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	4,617
P/E	8.3
EPS	3,795

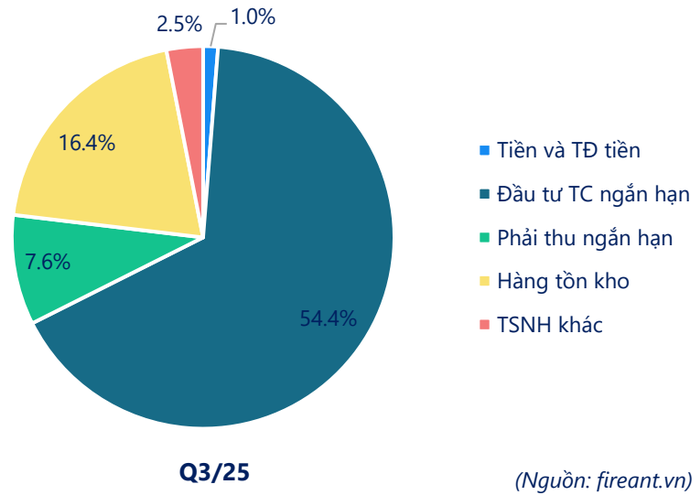
	YTD	1T	3T	6T
DDV	63.2%	1.3%	12.5%	68.3%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



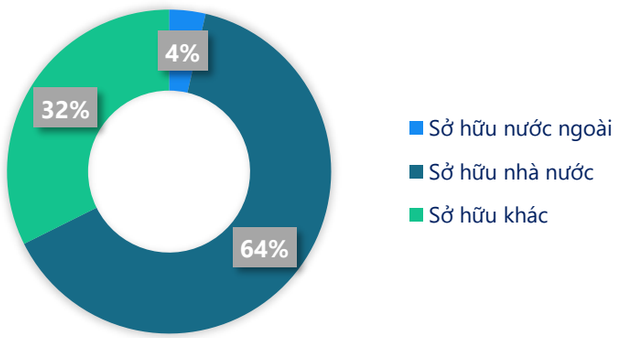
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



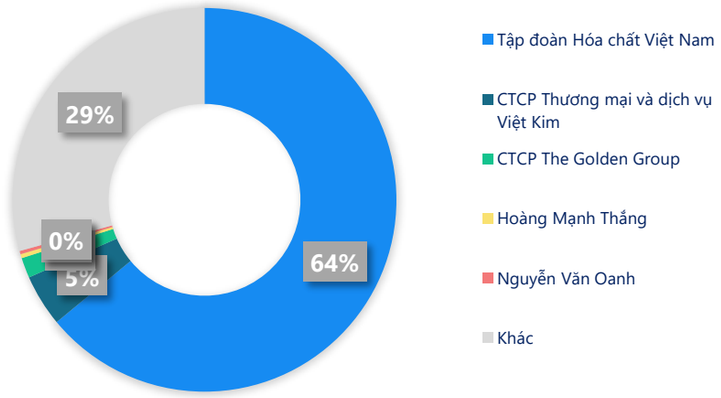
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



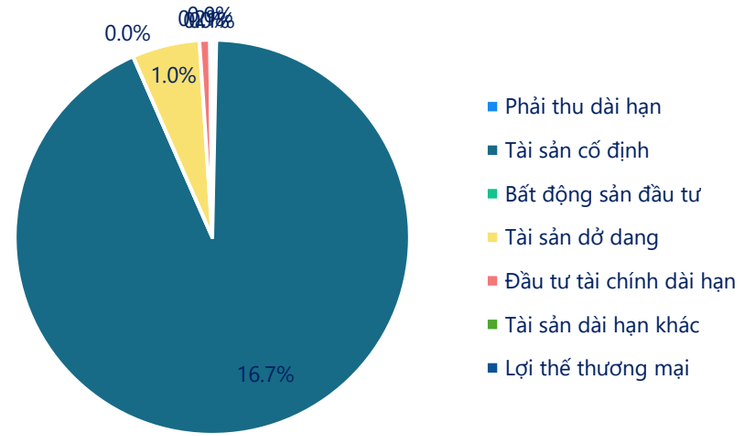
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

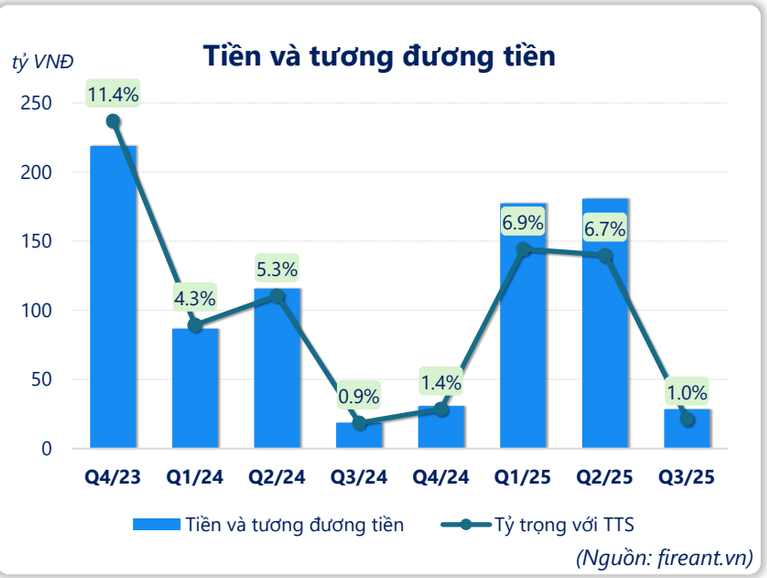
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



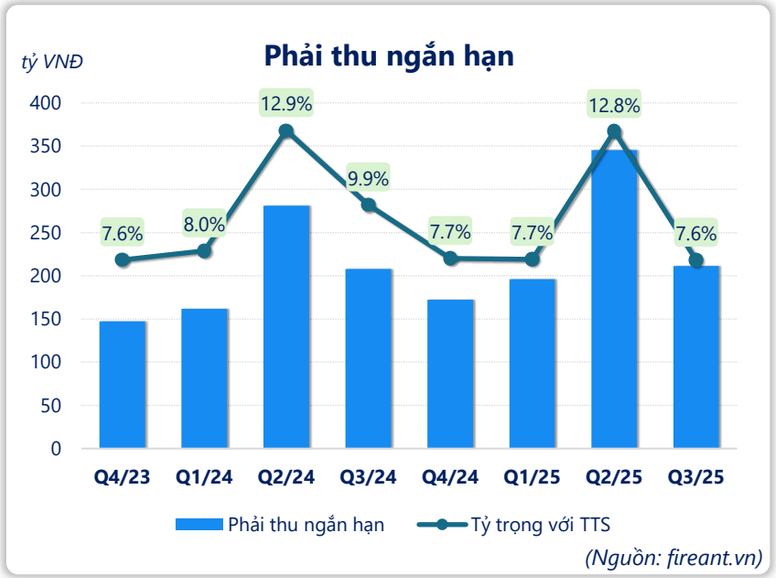
(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

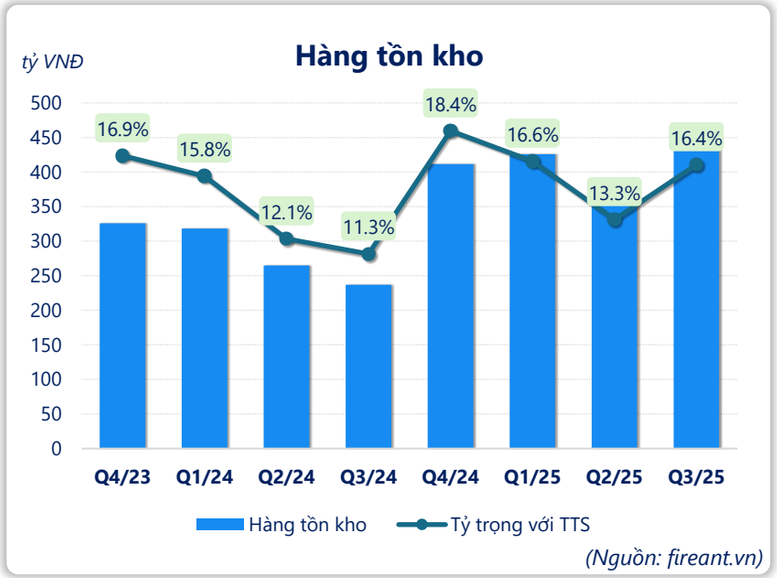
CTCP DAP - VINACHEM (UPCOM: DDV)



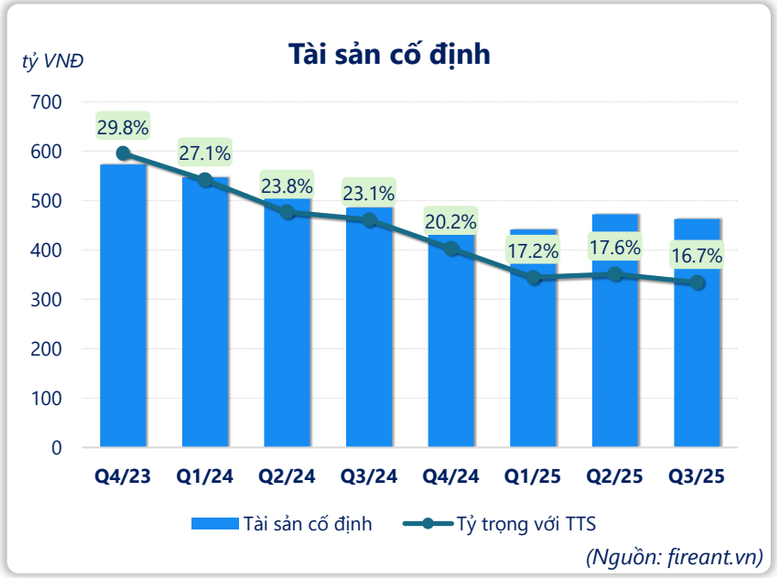
(Nguồn: fireant.vn)



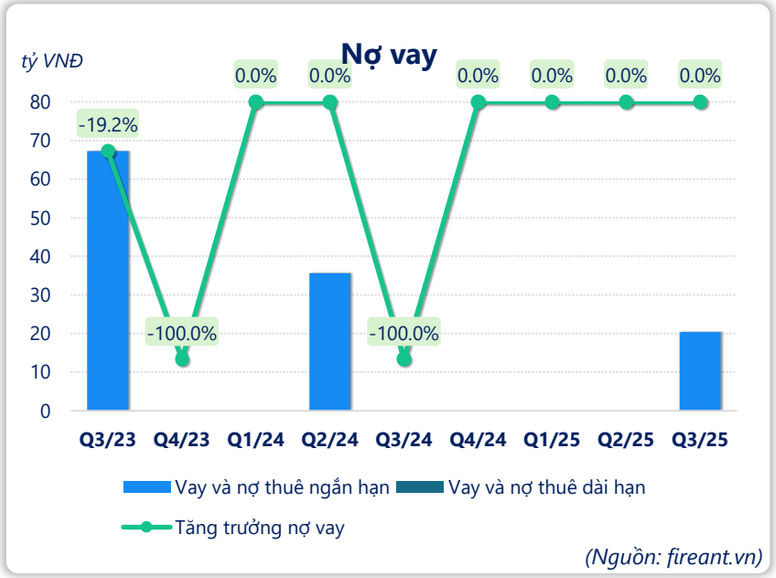
(Nguồn: fireant.vn)



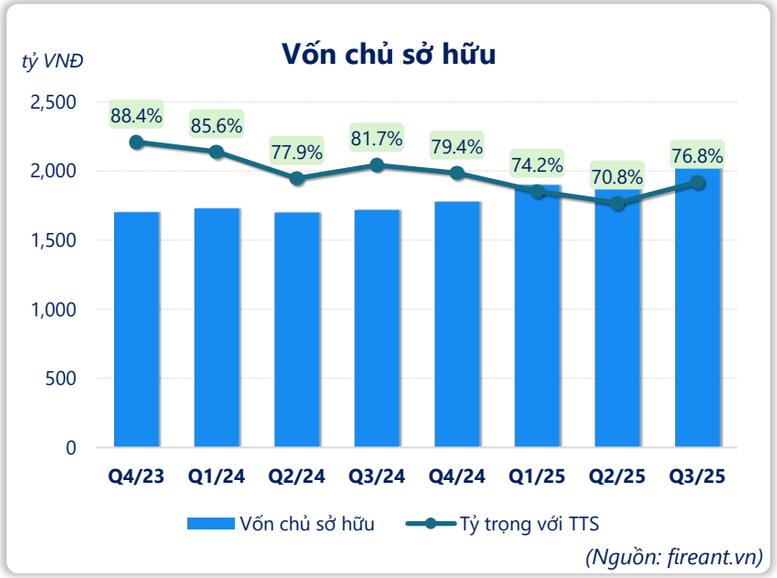
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)

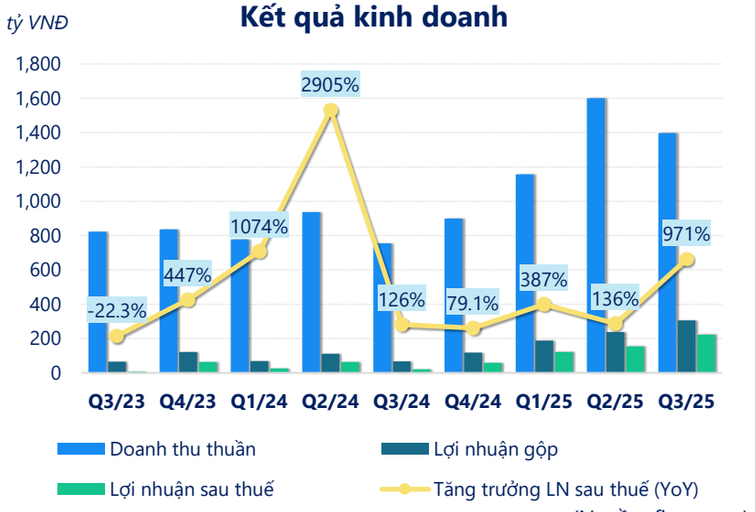


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

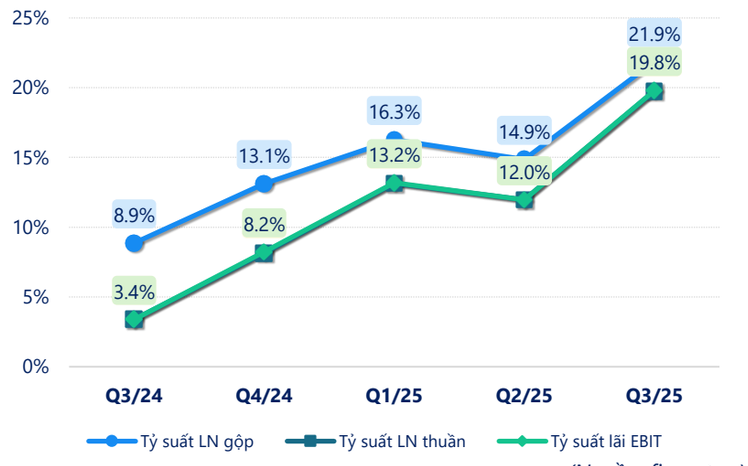
CTCP DAP - VINACHEM (UPCOM: DDV)

Kết quả kinh doanh



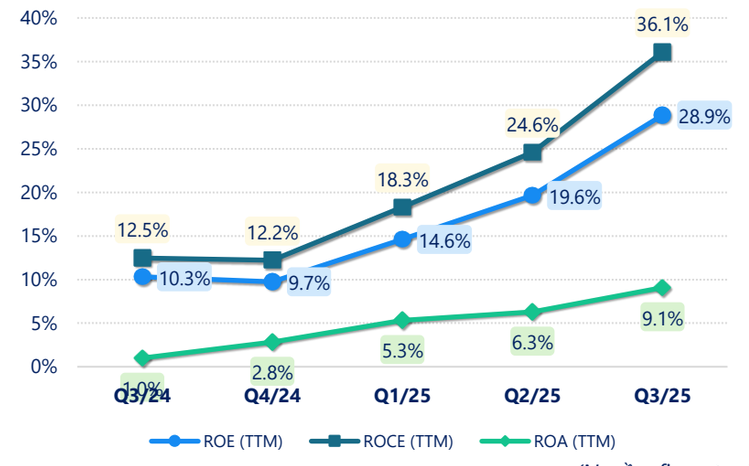
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



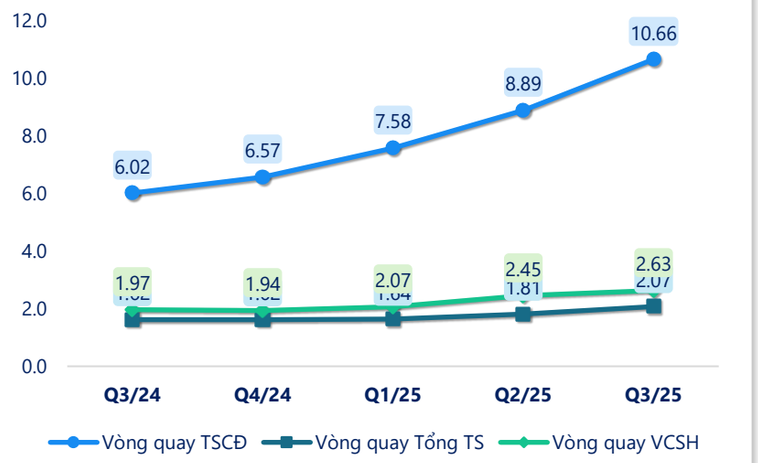
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



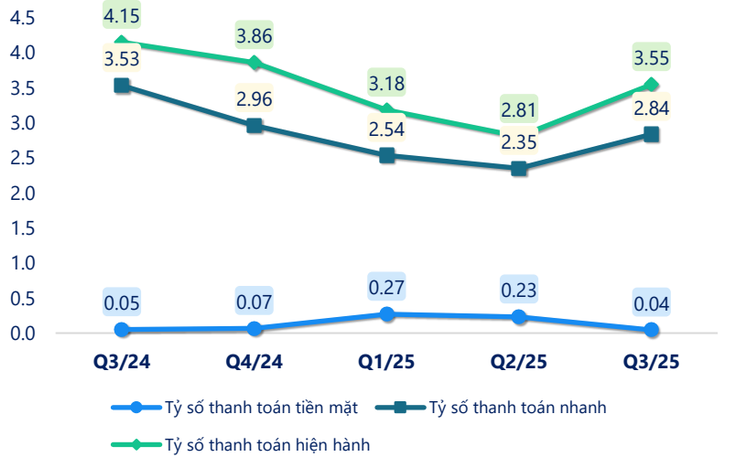
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



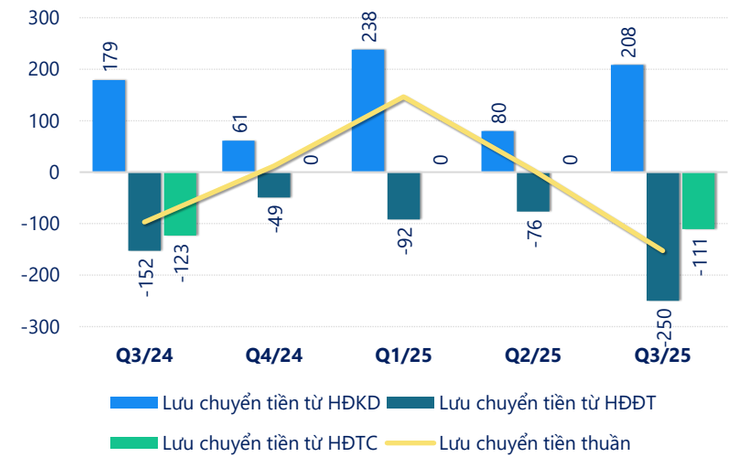
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

CTCP DAP - VINACHEM (UPCOM: DDV)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**2,766**	**2,237**	**23.6%**
Tài sản ngắn hạn	2,269	1,767	28.4%
Tiền và tương đương tiền	28.5	30.8	-7.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,505	1,145	31.4%
Phải thu ngắn hạn	211	170	23.9%
Hàng tồn kho	454	414	9.8%
Tài sản ngắn hạn khác	70.0	6.40	993%
Tài sản dài hạn	**497**	**470**	**5.6%**
Phải thu dài hạn	1.61	1.61	0.0%
Tài sản cố định	462	452	2.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	27.5	10.7	156%
Đầu tư tài chính dài hạn	4.27	4.27	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**0.93**	**2.33**	**-60.0%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	642	460	39.5%
Nợ ngắn hạn	**640**	**458**	**39.7%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	20.4	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	220	297	-26.1%
Nợ dài hạn	2.24	2.24	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**2,124**	**1,777**	**19.5%**
Vốn chủ sở hữu	**2,124**	**1,777**	**19.5%**
Vốn điều lệ	1,461	1,461	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	755	899	1,156	1,601	1,397
Giá vốn hàng bán	688	781	968	1,363	1,091
Lợi nhuận gộp	66.9	118	188	238	306
Doanh thu HĐTC	6.86	17.5	11.6	25.2	19.5
Chi phí TC	3.14	1.33	3.18	1.84	1.41
Chi phí lãi vay	0.09	0.12	0.24	0.05	0.04
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	21.3	25.0	22.8	27.6	24.0
Chi phí QLDN	23.7	35.9	21.9	42.0	23.7
LN thuần từ HĐKD	25.6	73.3	152	192	276
Lợi nhuận khác	-0.08	0.61	0.20	-0.13	0.41
LN trước thuế	25.5	73.9	152	191	276
Lợi nhuận sau thuế	20.3	58.8	122	153	221
LNST của CĐ cty mẹ	20.3	58.8	122	153	221

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	179	61.3	238	80.1	208
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-152	-49.3	-91.6	-76.4	-250
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-123	0	0	0	-111
Tiền đầu kỳ	116	18.8	30.8	177	181
Lưu chuyển tiền thuần	**-97.0**	**12.0**	**146**	**3.72**	**-153**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.02	0.03	0.15	-0.50	0.42
Tiền cuối kỳ	18.8	30.8	177	181	28.5

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic